

Bản án số: 346/2022/HC-PT

Ngày 09 tháng 8 năm 2022

V/v khiếu kiện quyết định hành chính

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Mai Anh Tài;

*Các Thẩm phán:* Ông Đặng Đình Lực;

Ông Phạm Việt Hà.

**- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thảo Trang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Trang, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 66/2021/TLPT-HC ngày 17 tháng 02 năm 2021 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2021/HC-ST ngày 14/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6667/2022/QĐ-PT ngày 22 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

**\* Người khởi kiện:** Bà Vũ Thị H, sinh năm 1961; địa chỉ: Xã T, huyện T, thành phố H. Vắng mặt;

*Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:* Ông Đỗ Trung K, sinh năm 1978; địa chỉ: Số 32/83/355 đường X, phường X, quận B, thành phố H. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

**\* Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố H; trụ sở: Số 5 Đ, thị trấn N, huyện T, thành phố H.

*Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện:* Ông Đinh Chính Q – Phó Chủ tịch UBND huyện T, thành phố H. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:*

1. Ông Nguyễn Đình H – Trưởng phòng Tư pháp huyện T, thành phố H. Vắng mặt;

2. Ông Hoàng Minh Đ – Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T, thành phố H. Vắng mặt;

3. Ông Vũ Đình T – Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh huyện T, thành phố H. Vắng mặt;

4. Ông Nguyễn Văn H – Nhân viên Trung tâm phát triển quỹ đất huyện T. Vắng mặt;

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Người khởi kiện là bà Vũ Thị H và người ủy quyền của người khởi kiện là ông Đỗ Trung K thống nhất trình bày:*

Người khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố H hủy: Quyết định số 4159/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của UBND huyện T, thành phố H về việc thu hồi đất để bồi thường, giải phóng mặt bằng; Hủy Quyết định số 4160/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của UBND huyện T, thành phố H về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất; hủy Phương án số 111/PA – TCT về bồi thường hỗ trợ đất đai cây cối, hoa màu, vật kiến trúc trên đất khi nhà nước thu hồi đất giải phóng mặt bằng để thực hiện Dự án đầu tư cải tạo tại đường tỉnh lộ 359 đoạn từ Cầu Bính đến thị trấn N, đoạn qua xã T, huyện T, thành phố H.

Yêu cầu UBND huyện T ban hành quyết định thu hồi cá biệt đối với diện tích đất bị thu hồi của gia đình bà H theo trình tự pháp luật quy định.

Yêu cầu UBND huyện T bồi thường đối với gần 60m<sup>2</sup> diện tích đất bị thu hồi của gia đình bà H theo khung giá quy định tại Quyết định số 08/2019/QĐ-UBND của UBND thành phố H ngày 08/3/2019 về việc điều chỉnh giá một số loại đất thuộc bảng giá đất thành phố H 05 năm (2015-2019) trên địa bàn 07 huyện.

Lý do đề nghị hủy các quyết định trên: Năm 1985, gia đình bà Vũ Thị H được UBND xã T cấp đất xây dựng nhà ở với diện tích là 250m<sup>2</sup> theo Nghị quyết cuộc họp ngày 02/7/1985 của UBND huyện T cùng các ban ngành liên quan tổ chức và đề nghị của phòng xây dựng huyện T. Quyết định cấp đất xây dựng nhà này là một quyết định cấp đất tập thể, nội dung cấp đất cho 13 hộ, mỗi hộ được cấp 250m<sup>2</sup> do ông Phó Chủ tịch Thân Văn B ký ngày 20/8/1985. Ngày 12/6/2014, UBND huyện T cấp cho gia đình bà H Giấy chứng nhận nhưng trong Giấy chứng nhận chỉ công nhận gia đình bà sử dụng 154m<sup>2</sup>, như vậy còn thiếu của gia đình bà là 96m<sup>2</sup>. Tuy nhiên, 96m<sup>2</sup> đất này gia đình bà H vẫn sử dụng ổn định không có tranh chấp từ năm 1985 đến nay.

Ngày 28/12/2018, UBND huyện T ban hành Thông báo số 569/TB-UBND về việc thu hồi đất giải phóng mặt bằng để thực hiện Dự án nâng cấp mở rộng đường tỉnh lộ 359 (quốc lộ 10 cũ).

Ngày 13/8/2019, UBND huyện T ban hành Quyết định số 4159/QĐ-UBND về việc thu hồi 7.608,8m<sup>2</sup> và Quyết định số 4160/QĐ-UBND về phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với 246 hộ gia đình cá nhân sử dụng 7.608,8m<sup>2</sup> đất công với tổng kinh phí là 16.015.212.106 đồng.

Theo các quyết định trên, UBND huyện T thu hồi của gia đình bà H khoảng 60m<sup>2</sup> đất nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xác định đất này của gia

đình bà là đất công và chỉ bồi thường hỗ trợ cây cối hoa màu, vật kiến trúc mà không bồi thường hỗ trợ về đất. Gia đình bà H không đồng ý với nội dung trên bởi lẽ: Theo Quyết định cấp đất xây dựng nhà ở ngày 20/8/1985 do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ký thì đây là đất ở của gia đình bà không phải là đất công. Gia đình bà sử dụng ổn định không tranh chấp từ năm 1985 đến nay nên đất của gia đình bà đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Điều 101 Luật đất đai 2013. Theo Điều 75 Luật đất đai 2013 về điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng an ninh phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng thì đất của gia đình bà H đủ điều kiện được bồi thường về đất. Như vậy, 60m<sup>2</sup> đất này phải được bồi thường, hỗ trợ về đất chứ không phải chỉ bồi thường hỗ trợ cây cối hoa màu, vật kiến trúc như Quyết định số 4159/QĐ-UBND. Mặt khác, khi thực hiện việc thu hồi đất cơ quan có thẩm quyền có nghĩa vụ phải ban hành thông báo thu hồi đất gửi tới từng người dân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 69 Luật đất đai 2013. Tuy nhiên, trên thực tế UBND huyện T không hề ban hành thông báo thu hồi đất cá biệt nào gửi đến cho gia đình bà H. Trong quá trình tiến hành việc thu hồi, bồi thường về đất, UBND huyện T đã có nhiều hành vi thực hiện không đúng theo quy định của pháp luật.

*Người bị kiện là UBND huyện T, người đại diện theo ủy quyền là ông Đinh Chính Q, Phó Chủ tịch UBND huyện T, thành phố H có quan điểm (theo văn bản số 3149/UBND-TNMT ngày 09/12/2020 của UBND huyện T, thành phố H), cụ thể như sau:*

Về nội dung đề nghị hủy Quyết định số 4159/QĐ-UBND ngày 13/8/2020 về việc thu hồi đất, Quyết định số 4160/QĐ-UBND ngày 13/8/2020 của UBND huyện T về việc phê duyệt phương án bồi thường; Phương án bồi thường, hỗ trợ đất đai, cây cối hoa màu, vật kiến trúc trên đất đối với hộ bà Vũ Thị H và yêu cầu UBND huyện T ban hành Quyết định cá biệt đối với diện tích đất bị thu hồi của gia đình theo quy định, người bị kiện có ý kiến như sau: Dự án đầu tư cải tạo đường tỉnh 359 đoạn từ cầu B đến xã T, huyện T được UBND thành phố phê duyệt dự án đầu tư tại Quyết định số 2931/QĐ-UBND ngày 31/10/2017. Ngày 28/12/2018, UBND huyện ban hành Thông báo số 569/TB-UBND về việc thu hồi đất giải phóng mặt bằng thực hiện dự án với tổng diện tích thu hồi 139.849,2m<sup>2</sup>.

Hộ gia đình bà Vũ Thị H trú tại xã T là một trong những hộ dân sử dụng đất để xây dựng công trình trên đất trong chỉ giới thu hồi thực hiện Dự án.

Về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với hộ bà Vũ Thị H để thực hiện Dự án đã thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật đất đai năm 2013, cụ thể: Ngày 28/12/2018, UBND huyện ban hành Thông báo 569/TB-UBND về việc thu hồi đất giải phóng mặt bằng để thực hiện Dự án đầu tư cải tạo đường tỉnh lộ 359 đoạn từ Cầu B đến thị trấn N với tổng diện tích thu hồi 139.849,2m<sup>2</sup> (xã T 110.944,1m<sup>2</sup>, xã Thủy Sơn 28.905,1m<sup>2</sup>)

Ngày 01/01/2019, UBND huyện T đã tiến hành họp với các hộ dân có đất bị

thu hồi để thông báo, triển khai công tác kiểm kê, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện dự án. Sau khi được nghe, phổ biến về việc thu hồi đất triển khai thực hiện Dự án và được sự đồng thuận của các hộ dân trong đó có hộ gia đình bà Vũ Thị H. Ngày 26/4/2019, Tổ công tác kiểm kê, giải phóng mặt bằng dự án đã cùng với hộ bà Vũ Thị H tiến hành kiểm kê toàn bộ đất đai, tài sản trên diện tích 24,4m<sup>2</sup> đất thuộc phạm vi bảo vệ đường giao thông trong chỉ giới thu hồi thực hiện Dự án, hộ gia đình bà Vũ Thị H đã ký biên bản xác nhận khối lượng kiểm kê của Tổ công tác; trên cơ sở đó tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư lập phương án bồi thường, hỗ trợ theo quy định.

Ngày 25/6/2019, UBND huyện T đã tổ chức họp với các hộ dân xã T để công khai phương án dự thảo về bồi thường, hỗ trợ các hộ dân khi nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án. Tiếp thu, giải quyết kiến nghị của các hộ dân trong đó có hộ bà Vũ Thị H, hoàn thiện, thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ theo quy định.

Ngày 13/8/2019, UBND huyện T đã ban hành Quyết định thu hồi đất số 4159/QĐ-UBND, Quyết định số 4160/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với các hộ dân (trong đó có kèm theo phương án bồi thường, hỗ trợ số 111/PA-TCT của hộ bà Vũ Thị H với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 57.679.085 đồng trên diện tích 24,4m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 25 tờ bản đồ địa chính số 05) và tổ chức công bố quyết định duyệt. Theo đó, hộ gia đình bà Vũ Thị H đã nhận tiền vào ngày 21/8/2019 và cam kết bàn giao mặt bằng vào ngày 26/8/2019 cho Trung tâm phát triển quỹ đất huyện T.

Do đó, các nội dung khởi kiện của bà Vũ Thị H đề nghị hủy Quyết định số 4159/QĐ-UBND ngày 13/8/2020 về việc thu hồi đất, Quyết định số 4160/QĐ-UBND ngày 13/8/2020 của UBND huyện T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ; Phương án bồi thường, hỗ trợ đất đai, cây cối hoa màu, vật kiến trúc trên đất và yêu cầu UBND huyện T ban hành Quyết định cá biệt đối với diện tích đất bị thu hồi của gia đình là không có cơ sở.

Về nội dung đề nghị được bồi thường diện tích gần 60m<sup>2</sup> đất bị thu hồi theo giá đất tại Quyết định số 08/2019/QĐ-UBND ngày 08/3/2019 của UBND thành phố H. Theo bản trích đo địa chính phục vụ thu hồi đất, trích lục nguồn gốc sử dụng đất đã được Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh T, UBND xã T lập, được Phòng Tài nguyên và Môi trường thẩm định thì hộ bà Vũ Thị H sử dụng diện tích 24,4m<sup>2</sup> đất trong chỉ giới thu hồi thực hiện dự án thuộc phạm vi bảo vệ đường giao thông, không thuộc phạm vi đất ở của gia đình. Do đó, diện tích 24,4m<sup>2</sup> đất hộ bà Vũ Thị H sử dụng trong chỉ giới thu hồi thực hiện Dự án không đủ điều kiện được bồi thường.

Hiện nay hộ gia đình bà H đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện dự án, cam kết không còn ý kiến, kiến nghị gì về việc bồi thường, hỗ trợ. Do đó, không có căn cứ chấp nhận

yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị H.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 09/02/2021 UBND huyện T đã tổ chức buổi làm việc với các hộ gia đình trong đó có hộ bà Vũ Thị H. Kết quả làm việc về nguồn gốc sử dụng đất của bà Vũ Thị H được UBND huyện T cung cấp như sau: Theo bản đồ giải thửa 299 lập năm 1984 thể hiện tại vị trí thửa đất hộ bà Vũ Thị H sử dụng mang số thửa 1392 tờ bản đồ số 01, diện tích 2635m<sup>2</sup>; sổ mục kê lập năm 1984 tại trang 47 dòng 02 số thửa 1392 tên chủ sử dụng đất “Đội 3” diện tích 2635m<sup>2</sup> loại ruộng đất “Đ”; Theo Sổ đăng ký ruộng đất lập năm 1989 tại UBND xã T có thể hiện tại trang 20 số thứ tự 612 mang tên chủ sử dụng đất bà Phạm Thị L diện tích 155m<sup>2</sup>; Ngày 16/7/2004, UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Viết S tại thửa đất số 1408, tờ bản đồ số 01, diện tích 154m<sup>2</sup>, về nguồn gốc: Nhận chuyển nhượng đất của bà Phạm Thị L. Năm 2011 ông Lê Viết S là chồng bà Vũ Thị H chết. Bà Vũ Thị H có đơn xin cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số tổng cục BU425195, số vào sổ CH 001253, số thửa 1408, tờ bản đồ số 01, diện tích 154m<sup>2</sup>, cấp ngày 12/9/2014 (trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thể hiện phía đông thửa đất giáp với đường Quốc lộ 10 nay là tỉnh lộ 359, hành lang đường là 18,5m nhà nước mới công nhận là đất ở). Theo bản trích đo địa chính phục vụ thu hồi đất, thực tế gia đình bà H sử dụng diện tích 215,8m<sup>2</sup> (trong đó trong chỉ giới thu hồi là 24,4m<sup>2</sup> đất). Diện tích thực tế lớn hơn diện tích đã được cấp giấy chứng nhận là 61,8m<sup>2</sup>, diện tích trong chỉ giới thu hồi là 24,4m<sup>2</sup>, như vậy diện tích trong chỉ giới thu hồi không thuộc phạm vi đất ở đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2021/HC-ST ngày 14/4/2021, Tòa án nhân dân thành phố H đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 66, 69, 75 Luật Đất đai năm 2013; Xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị H về việc: Yêu cầu hủy các Quyết định hành chính sau đây:

- Quyết định số 4159/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của UBND huyện huyện T, thành phố H về việc thu hồi đất;

- Quyết định số 4160/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của UBND huyện T, thành phố H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB và Phương án bồi thường, hỗ trợ đất đai, cây cối hoa màu, vật kiến trúc trên đất khi Nhà nước thu hồi đất số 111/PA-TCT của UBND huyện T, thành phố H.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/5/2021, người khởi kiện là bà Vũ Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung vụ án, sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi

kiện, hủy Quyết định số 4159/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của UBND huyện huyện T, thành phố H về việc thu hồi đất và hủy Quyết định số 4160/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của UBND huyện T, thành phố H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB và Phương án bồi thường, hỗ trợ đất đai, cây cối hoa màu, vật kiến trúc trên đất khi Nhà nước thu hồi đất số 111/PA-TCT của UBND huyện T, thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Việc Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội thụ lý vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã tuân theo đầy đủ quy định pháp luật tố tụng hành chính. Kháng cáo của bà Vũ Thị H trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện và đại diện theo ủy quyền của người bị kiện vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng Hành chính, không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Vũ Thị H, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham dự phiên tòa,

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện và đại diện theo ủy quyền của người bị kiện đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[1.2]. Ngày 08/6/2020, bà Vũ Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 4159/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của UBND huyện T, thành phố H về việc thu hồi đất; hủy Quyết định số 4160/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của UBND huyện T, thành phố H về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất; hủy Phương án số 111/PA – TCT về việc bồi thường hỗ trợ đất đai cây cối, hoa màu, vật kiến trúc trên đất khi nhà nước thu hồi đất giải phóng mặt bằng; yêu cầu UBND huyện T ban hành quyết định thu hồi cá biệt đối với diện tích đất bị thu hồi của gia đình bà H; yêu cầu UBND huyện T bồi thường đối với gần 60m<sup>2</sup> diện tích đất bị thu hồi của gia đình bà H theo khung giá quy định tại Quyết định số 08/2019/QĐ-UBND của UBND thành phố H ngày 08/3/2019 về việc điều chỉnh giá một số loại đất thuộc bảng giá đất thành phố H 05 năm (2015-2019) trên địa bàn 07 huyện, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3; Điều 30 Luật Tố tụng hành chính và đảm bảo về thời hiệu khởi kiện; người bị kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều

116 và khoản 3 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về thẩm quyền và thủ tục ban hành các quyết định hành chính: UBND huyện T, thành phố H ban hành Quyết định thu hồi đất số 4159/QĐ-UBND ngày 13/8/2019; Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ số 4160/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 và Phương án về bồi thường, hỗ trợ đất đai, cây cối hoa màu khi nhà nước thu hồi đất giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án số 111/PA-TCT là đúng thẩm quyền theo Điều 66 Luật Đất đai 2013. Trên cơ sở Quyết định số 2931/QĐ-UBND ngày 31/10/2017, Ủy ban nhân dân thành phố H phê duyệt dự án đầu tư cải tạo đường tỉnh 359 từ Cầu B đến xã T. Ngày 28/12/2018, UBND huyện T, thành phố H đã ban hành Thông báo số 569/TB-UBND về việc thu hồi đất giải phóng mặt bằng thực hiện dự án với tổng diện tích đất thu hồi là 139.849,2m<sup>2</sup>. Ngày 01/01/2019, UBND huyện T đã tiến hành họp với các hộ dân có đất bị thu hồi để thông báo triển khai công tác kiểm kê, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện dự án. Ngày 26/4/2019, Tổ công tác Giải phóng mặt bằng Dự án của UBND huyện T tiến hành điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đến về đất và tài sản trên đất và lập biên bản kiểm kê đối với hộ gia đình bà Vũ Thị H. Ngày 25/6/2019, UBND huyện T đã tổ chức họp với các hộ dân xã T trong đó có hộ gia đình bà Vũ Thị H để công khai phương án dự thảo về bồi thường, hỗ trợ. Ngày 13/8/2019, Phòng Tài nguyên Môi trường huyện T có Tờ trình số 155/TTr-TN&MT gửi UBND huyện T. Căn cứ Tờ trình của Phòng Tài nguyên - Môi trường huyện T, ngày 13/8/2019 UBND huyện T ban hành Quyết định số 4159/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và Quyết định số 4160/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng. Ngày 21/8/2019, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện T đã tiến hành lập biên bản về việc thanh toán cho bà Vũ Thị H kinh phí bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất. Bà Vũ Thị H đã nhận tiền và không có ý kiến gì khác. Căn cứ Điều 66, Điều 69 và Điều 75 Luật đất đai năm 2013, UBND huyện T, thành phố H ban hành các Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và phương án bồi thường, hỗ trợ cụ thể đối với hộ gia đình bà Vũ Thị H là đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật như Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định.

[2.2]. Về nội dung các quyết định hành chính, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Việc lập phương án bồi thường, hỗ trợ, Hội đồng bồi thường huyện T đã căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật đất đai 2013, các Nghị định của chính phủ hướng dẫn thi hành Luật đất đai (Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2017 của Bộ tài nguyên và Môi trường về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; Thông tư số 37/2014/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014) quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi

Nhà nước thu hồi đất và các văn bản quy phạm pháp luật do UBND thành phố H ban hành theo thẩm quyền được áp dụng trên địa bàn thành phố H (Quyết định số 2680/2014/QĐ-UBND ngày 03/12/2014 về việc ban hành quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố H; Quyết định số 58/2015/QĐ-UBND ngày 12/01/2015 về việc ban hành tập đơn giá cây trồng, vật nuôi thủy sản, chi phí đầu tư vào đất nuôi trồng thủy sản phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ GPMB khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố; Quyết định số 324/2015/QĐ-UBND ngày 05/02/2015 của UBND thành phố H; Quyết định số 555/QĐ-CT ngày 15/3/2019 của UBND thành phố H; Công văn số 601/UBND-TH ngày 29/4/2016 của UBND thành phố H...đã quy định cụ thể về trình tự, thủ tục, giá đất, hỗ trợ...khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án phát triển kinh tế xã hội, xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, giao thông trên địa bàn thành phố H. Nội dung chính của Phương án bồi thường đã được các cơ quan chuyên môn, các cơ quan quản lý Nhà nước chuyên ngành thẩm định từng lĩnh vực cụ thể. UBND huyện T đã ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ là đúng pháp luật.

[2.3]. Tài liệu về nguồn gốc sử dụng đất của bà Vũ Thị H do UBND huyện T cung cấp thể hiện, theo bản đồ giải thửa 299 lập năm 1984 thể hiện tại vị trí thửa đất hộ bà Vũ Thị H sử dụng mang số thửa 1392 tờ bản đồ số 01, diện tích 2635m<sup>2</sup>; sổ mục kê lập năm 1984 tại trang 47 dòng 02 số thửa 1392 tên chủ sử dụng đất “Đội 3” diện tích 2635m<sup>2</sup> loại ruộng đất “Đ”; Theo Sổ đăng ký ruộng đất lập năm 1989 tại UBND xã T có thể hiện tại trang 20 số thứ tự 612 mang tên chủ sử dụng đất bà Phạm Thị L diện tích 155m<sup>2</sup>. Ngày 16/7/2004, UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Viết S tại thửa đất số 1408, tờ bản đồ số 01, diện tích 154m<sup>2</sup>, về nguồn gốc: Nhận chuyển nhượng đất của bà Phạm Thị L. Năm 2011 ông Lê Viết S là chồng bà Vũ Thị H chết. Bà Vũ Thị H có đơn xin cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số tổng cục BU425195, số vào sổ CH 001253, số thửa 1408, tờ bản đồ số 01, diện tích 154m<sup>2</sup>, cấp ngày 12/9/2014 (trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thể hiện phía đông thửa đất giáp với đường Quốc lộ 10 nay là tỉnh lộ 359, hành lang đường là 18,5m nhà nước mới công nhận là đất ở). Theo bản trích đo địa chính phục vụ thu hồi đất, thực tế diện tích đất gia đình bà H sử dụng là 215,8m<sup>2</sup> (trong đó trong chỉ giới thu hồi là 24,4m<sup>2</sup> đất). Như vậy, diện tích thực tế gia đình bà H sử dụng lớn hơn diện tích đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 61,8m<sup>2</sup>. Do đó, UBND huyện T xác định diện tích đất thu hồi của hộ bà Vũ Thị H không phải là đất ở mà là đất thuộc phạm vi hành lang giao thông đường bộ nên không được bồi thường về đất mà chỉ được hỗ trợ về tài sản, vật kiến trúc, hoa màu trên đất tổng số 57.679.085 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật. Sau khi có Quyết định thu hồi đất, hộ gia đình bà Vũ Thị H đã nhận tiền bồi thường, bàn giao mặt bằng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác



định Quyết định số 4159/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 về việc thu hồi đất; Quyết định số 4160/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB; Phương án số 111/PA-TCT của UBND huyện T, thành phố H đã được ban hành đúng quy định pháp luật về cả thẩm quyền, trình tự thủ tục và nội dung là có căn cứ, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Về án phí: Kháng cáo của bà Vũ Thị H, không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bà H sinh năm 1961 là người cao tuổi, đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án có đơn đề nghị được miễn án phí, nên theo quy định của Luật Người cao tuổi; khoản 1 Điều 349 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Vũ Thị H được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

Căn cứ khoản 1 Điều 241; khoản 1 Điều 349 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1]. Bác kháng cáo của người khởi kiện là bà Vũ Thị H; Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2021/HC-ST ngày 14/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố H.

[2]. Về án phí: Bà Vũ Thị H được miễn án phí hành chính phúc thẩm. (được trả lại số tiền dự phí đã nộp tại Biên lai thu số 0018936 ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự thành phố H).

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Đặng Đình Lực**

**Phạm Việt Hà**

**Mai Anh Tài**

***Nơi nhận:***

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND TP H;
- Cục THADS TP H;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, P.HC-TP TANDCC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Anh Tài**